

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 08-11-2018
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thu Hà

2. Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1978

Địa chỉ cư trú: Thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: Tổ dân phố Tây Sơn, phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Đỗ Văn M**, sinh năm: 1974

Địa chỉ cư trú: Thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Văn M có thời gian tìm hiểu nhau được một năm, được sự đồng ý của hai gia đình có tổ chức cưới hỏi và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Cam Thịnh Đông, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 71, cấp ngày 21/11/2002.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng cách đây 4 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh M thường xuyên uống bia rượu, bài bạc không lo làm ăn nuôi gia đình, chị có khuyên nhủ nhưng anh M không nghe mà còn chửi bới, đánh đập chị, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và chị lo sợ anh M tiếp tục đánh đập nên từ năm 2014 chị về sinh sống tại nhà cha mẹ chị cùng 03 con nuôi ăn học. Trong thời gian ly thân anh M không còn quan tâm đến chị và con cái và cũng không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay chị xác định tình cảm với anh M không còn nữa, không muốn chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn M.

Về con chung: Chị T và anh M có 03 con chung là:

Đỗ Thị Kiều M, sinh ngày: 20/3/2001;

Đỗ Văn V, sinh ngày: 21/8/2005;

Đỗ Văn T, sinh ngày: 03/5/2009.

Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm phụ hồ, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 3 con chung là Đỗ Thị Kiều M, Đỗ Văn V, Đỗ Văn T là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có. Chị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Trích lục kết hôn.

Giấy khai sinh mang tên Đỗ Thị Kiều M, Đỗ Văn V, Đỗ Văn T.

Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Đỗ Văn M.

Biên bản xác minh ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Đỗ Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp

lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[1.2] Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn anh Đỗ Văn M. Yêu cầu của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T và anh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Cam Thịnh Đông, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 71, cấp ngày 21/12/2002. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh M là hôn nhân hợp pháp.

Chị T yêu cầu được ly hôn anh M vì chị không chấp nhận người chồng không chăm lo làm ăn nuôi dạy con cái mà thường xuyên cờ bạc, rượu chè say xỉn về đánh đập chị. Trong thời gian dài vợ chồng mâu thuẫn và ly thân, anh M không có biện pháp để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và cũng không đến tòa để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2018, chính quyền địa phương cho biết: “Thời gian gần đây giữa chị T và anh M có mâu thuẫn dẫn đến chị T bỏ về nhà cha mẹ tại phường Ba Ngòi sinh sống hơn 1 năm nay. Chị T và anh M có 3 con chung, hiện nay cháu Đỗ Thị Kiều M đang sống cùng anh M, cháu Đỗ Văn V, Đỗ Văn T đang sống cùng chị T.”

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn anh M là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh M có 03 con chung là:

Đỗ Thị Kiều M, sinh ngày: 20/3/2001;

Đỗ Văn V, sinh ngày: 21/8/2005;

Đỗ Văn T, sinh ngày: 03/5/2009.

Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, hiện nay các cháu Đỗ Thị Kiều M, Đỗ Văn V và cháu Đỗ Văn T còn nhỏ và do chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, riêng cháu M là nữ, đang trong độ tuổi vị thành niên cần có sự quan tâm, chia sẻ, giáo dục giới tính của người mẹ. Hơn nữa cả 3 cháu đều có nguyện vọng được sinh sống cùng chị T. Do đó, yêu cầu của chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn M.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là các cháu:

Đỗ Thị Kiều M, sinh ngày: 20/3/2001;

Đỗ Văn V, sinh ngày: 21/8/2005;

Đỗ Văn T, sinh ngày: 03/5/2009.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu anh Đỗ Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0012469 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Đỗ Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Cam Thịnh Đông
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy